



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : ____ Yes, ____ No

EXIT VISA: ____ Yes ____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE THI
Last Middle First

Current Address 19/36 Tân Lập Village Đồng Phú Tỉnh Sông Bé

Date of Birth 01/25/42 Place of Birth Huế

Previous Occupation (before 1975) Captain
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 06/24/75 To 09/01/81

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LE THI
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Ngô Thị Ninh	05/04/48	wife
Lê Nguyễn Hải	04/16/69	son
Lê Nguyễn Hùng	08/08/70	—
Lê Nguyễn Hùng	04/04/72	—
Lê Nguyễn Quỳnh Tiên	05/29/74	daughter
Lê Nguyễn Huy	12/16/75	son
Lê Nguyễn Hồng	12/22/82	—
Lê Nguyễn Thủy Tiên	03/21/85	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 9-8-1988

Kính thưa bà.

Chúng tôi được biết Hội Gia-đình cựu tù nhân chính trị Việt-Nam do bà làm chủ tịch đã có sự giúp đỡ rất quý báu và hiệu quả trong việc xin định cư những người học tập cải tạo tại Việt-Nam.

Một thỏa hiệp đã được ký kết giữa chính phủ Việt-Nam và Hoa-Kỳ nhằm cho phép các người học tập cải tạo được định cư tại Hoa-Kỳ.

Chúng tôi đã học tập cải tạo hơn 6 năm mà không có thân nhân tại Hoa-Kỳ nên xin gửi thư này đến bà mong nhờ sự giúp đỡ cho gia-đình chúng tôi được định cư tại Hoa-Kỳ.

Trong khi chờ đợi kết quả, kính xin bà nhân dịp này lòng thành kính và biết ơn của gia-đình tôi.

Kính chúc sức khỏe của bà và chúc quý Hội đạt nhiều thành quả trong việc giúp đỡ những người học tập cải tạo chúng tôi tại quê nhà.

Kính thư.



Lê-Thi

From: LÊ-THỊ

20/E73 - 3/2 st

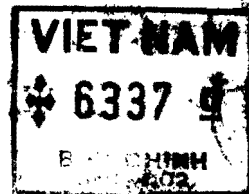
F.12 . Q.10

Hố Chí Minh City

Việt-Nam.

6 YR

PARAVION



TO: Mrs KHUÊ MINH-THO

PO. BOX 5435

Arlington VA 22205-0635

USA

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI XÉT ĐƠN

ODP IV # _____

Date: _____

Ngày: _____

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

127 Panjabum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : LÊ - THI Sex: M
Phái
2. Other Names
Họ, tên khác : NONE
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : Jan 25, 1942 THUA THIEN, HUIE SVN
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 19/36 TAN-LAP Village ANGA-DHU District SONGBE Ph.
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : 20/E 73, 3/2 Street F12 District 10 HO CHI MINH City.
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : Agriculture

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Ý: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. <u>NGUYỄN THỊ NHUNG</u>	<u>May 4, 1948</u>	<u>THUA THIEN HUIE</u>	<u>F</u>	<u>Married</u>	<u>Wife</u>
2. <u>LÊ NGUYỄN - THAI</u>	<u>Apr. 16, 1969</u>	<u>LONG-HAI PHUOC TUY</u>	<u>M</u>	<u>Single</u>	<u>Son</u>
3. <u>LÊ NGUYỄN - HUNG</u>	<u>Aug 8, 1970</u>	<u>LONG-HAI, PHUOC TUY</u>	<u>M</u>	<u>Single</u>	<u>Son</u>
4. <u>LÊ NGUYỄN - HUNG</u>	<u>Apr. 4, 1972</u>	<u>LONG-HAI, PHUOC TUY</u>	<u>M</u>	<u>Single</u>	<u>Son</u>
5. <u>LÊ NGUYỄN QUYNH TIEN</u>	<u>May 29, 1974</u>	<u>PHUOC TUY</u>	<u>F</u>	<u>Single</u>	<u>Daughter</u>
6. <u>LÊ NGUYỄN - HUY</u>	<u>Dec 16, 1975</u>	<u>QUAN 2 SAIGON</u>	<u>M</u>	<u>Single</u>	<u>Son</u>
7. <u>LÊ NGUYỄN - HOANG</u>	<u>Dec 22, 1982</u>	<u>ANGA PHU SONG BE M</u>	<u>Single</u>	<u>Single</u>	<u>Son</u>
8. <u>LÊ NGUYỄN THUY TIEN</u>	<u>Aug 21, 1985</u>	<u>ANGA PHU SONG BE</u>	<u>F</u>	<u>Single</u>	<u>Daughter</u>
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng Ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name

Họ, Tên

: NONE

NONE

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình

: /

/

c. Address

Địa-chỉ

: /

/

d. Date of Relatives Arrival

in the U.S.

Ngày bà con đến Mỹ

: /

/

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name

Họ, tên

: /

/

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình

: /

/

c. Address

Địa-chỉ

: /

/

D. Complete Family Listing (Living/Dead) /Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father

Cha

: LÊ - LÒN Dead

2. Mother

Mẹ

: TÚ THỊ - PHU Dead

3. Spouse

Vợ/Chồng:

: NGUYỄN THỊ - NHUNG Living

4. Former Spouse (if any),

Vợ/Chồng trước (nếu có):

NONE

5. Children

Con cái:

(1)

LÊ NGUYỄN - HẢI

Living

(2)

LÊ NGUYỄN - HÙNG

L

(3)

LÊ NGUYỄN - HÙNG

L

(4)

LÊ NGUYỄN QUỲNH-TIÊN

L

(5)

LÊ NGUYỄN - HUY

L

(6)

LÊ NGUYỄN - HOANG

L

(7)

LÊ NGUYỄN THỦY-TIÊN

L

(8)

(9)

6. Siblings

Anh chị em:

(1)

LÊ - HEO M Living

(2)

LÊ - NAY M L

(3)

LÊ - THỊ-BÉ F L

(4)

LÊ - QUANG M L

(5)

LÊ - THEO M L

(6)

(7)

(8)

(9)

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : NONE

Position title
Chức-vụ : /

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : /

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ Tới

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : NONE

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ Tới

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : NONE

3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ Tới

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Cong-vu voi Chính-phu Viet-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: LÊ - THỊ

2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ Tới Feb 13, 1962 Apr 30, 1975

3. Last Rank Serial Number:
Cấp-bậc cuối-cùng : Captain Số thẻ nhân-viên: 42/134368

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đồn-Vị Binh-Chúng : VAN KIẾP Training Center

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy : Col NGUYỄN VĂN THỊNH

6. Reason for Separation : Communist took over
 Lý do nghỉ việc :
7. Names of American Advisor(s):
 Họ tên cố-vấn Mỹ :
8. U.S. Training Courses in Vietnam:
 Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỹ
 tại Việt-Nam : None
9. U.S. Awards or Certificates
 Name of award: Date received:
 Phần-thưởng hoặc giấy khen: None Ngày nhận: _____

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available? Yes _____ No _____.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có. Đứng sự có không? Có _____ Không X.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
 Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: None
2. School and School Address :
 Trường và địa-chỉ nhà trường :
3. Dates: From To
 Ngày, tháng, năm Từ: _____ Đến: _____
4. Description of Courses :
 Mô-tả ngành học : _____
5. Who paid for training? :
 Ai đài-thọ chương-trình huấn-luyện? : _____

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes _____ No _____.)
 (CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có _____ Không _____)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
 Họ tên người đi học-tập cải-tạo : LÊ - THI
2. Time in Reeducation: From: To:
 Thời gian học-tập Từ: June 24, 1975 Đến: Sep 1, 1981
3. Still in Reeducation?* Yes No
 Vẫn còn học-tập cải-tạo?* Có _____ Không X

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cước chú phụ-thuộc

Signature
 Ký tên : _____

Date
 Ngày: Aug 9, 1988

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire
 Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

- a/ 01 Release certificate
 b/ 01 photo decision number 01/00/46
 c/ 09 birth certificates
 d/ 01 Marriage certificate
 e/ 09 photos
 g/ 01 Military driving license
 h/ 01 Military family registration
 i/ 01 Family Registration (Hộ KHẨU)



LÊ - THỊ
SINH 25-1-1942

NGUYỄN THỊ NHUNG
SINH 4.5.1948.

LÊ NGUYỄN-THAI
SINH 16-4-1969

LÊ NGUYỄN-HÙNG LÊ NGUYỄN-HÙNG
SINH 8-8-1970 SINH 4-4-1972

~~22/2/84~~

LÊ NGUYỄN
QUYNH-TIÊN
SINH 29-5-1974

LÊ NGUYỄN-HUY
SINH 15-12-1975

LÊ NGUYỄN-HOÀNG
SINH 22-12-1982

LÊ NGUYỄN
THỦY-TIÊN
SINH 21-8-1985

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở _____ Chứng nhận đã chuyển đến ở _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm 19 _____ Từ ngày _____ tháng _____ năm 19 _____
Ký tên, đóng dấu _____ Ký tên, đóng dấu _____

Chứng nhận đã chuyển đến ở _____ Chứng nhận đã chuyển đến ở _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm 19 _____ Từ ngày _____ tháng _____ năm 19 _____
Ký tên, đóng dấu _____ Ký tên, đóng dấu _____

NLƯNG THAY ƠI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

Số 268 CN

Họ và tên chủ hộ Nguyễn Thị Nhung

Thôn, bản, xóm, ấp, ngõ, số nhà 19 Tổ 36 Phường 5

Xã, thị trấn, đường phố Bến Lấp

Tiền khu, phường, đồn công an _____

Huyện quận, khu phố, thị xã Đông Phú

Tỉnh, thành phố Sông Bé

Ngày 20 tháng 01 năm 85

Trưởng công an Trần Văn Phú

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Trần Văn Phú

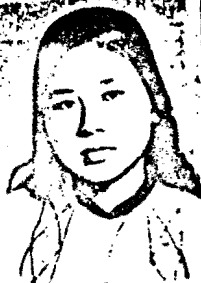
NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên cán bộ DKHK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Nguyễn Thị Nhung	chủ hộ	Nữ	1948	280217967	Buôn Bàng	1976		
2	Trần Thị	chồng	Nam	1942	280223089	lâm rẫy			
3	Nguyễn Hải	con		1969	280230879				
4	Nguyễn Hoàng			1970	280504584				
5	Nguyễn Hoàng			1971	280504577				
6	Nguyễn Thị Diên		Nữ	1974					
7	Nguyễn Thị	Nam	Nam	1975					
8	Nguyễn Hoàng			1982					
9	Nguyễn Thị Tiến	con	Nữ	1985					

THẺ GIA-ĐÌNH QUÂN-NHÂN

BỘ QUỐC-PHONG

QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA



Họ và tên vợ :

Nguyễn-th-Nhung

Sinh ngày : 05-04-1948

tại : Phu-Thanh, Hue

THẺ GIA-ĐÌNH QUÂN-NHÂN

số 004/1114/NC/HT/PT

Con ông : Nguyễn-Trach

HỌ và TÊN : LE-THI

CẤP BẬC : Trung-Uy

Con bà :

SỐ QUÂN : 42/134.368

Nguyễn-Th-Doa

SINH NGÀY : 25-1-1942 tại Hue

Thẻ căn-cước số : 286338

cấp tại Hue

ngày 17-12-66

CON ÔNG : Le-Lon

CON BÀ : Tu-Thi-Phu (c)

Địa-chỉ : 53/3 Thu-Y

Thanh-noi Hue

KBC 6/041, ngày 2 tháng 12 năm 1969

Chí-Huy-Trưởng-THL/NO/LT/P-Tuyn

- Ai nhất được thẻ này xin bỏ vào hộp thư gần nhất.

- Nhờ hộp thư chuyển giao đến KBC.

Mẫu
13.08.66 QĐ-863

13.06.11ALAP. O. 2.883

HỌ VÀ TÊN CON	NGÀY SANH	NG SANH	CÓ CẤP DƯỠNG	SI-QUAN TQT ký tên và đóng dấu (nếu có sự thay đổi)
1 Le-Nguyen-Hai	16-4-69	P. Tuy	Ca	
2 Li Nguyen-Hiep	8-8-70	P. Tuy	Ca	
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				
11				
12				
13				
14				
15				

BẰNG LÁI QUÂN-XA

SỐ 1250

Cấp cho (1) LE - THI

Cấp-bậc Đại Uy s.q. 134.368

Sanh ngày 25.01.1942

Tại tỉnh Thua Thiên

Đơn-vị bổ-nhậm KBC.4432

Đơn-vị Huấn-luyện

Tel BC 3177 ngày 26-05-70

Thọ-xu T. NGUYEN-VAN-THAN

CHÁNH CHỦ KHẢO



(1) Tên, họ. (2) Tên, họ, Cấp-bậc.

GHI CHÚ GIA HIỆU

Được phép lái

Tại ngày

(2)

CHÁNH CHỦ KHẢO

SỐ

Được phép lái

Tại ngày

(2)

CHÁNH CHỦ KHẢO

SỐ

Được phép lái

Tại ngày

(2)

CHÁNH CHỦ KHẢO

SỐ

GHI CHÚ GIA HIỆU

Được phép lái

Tại ngày

(2)

CHÁNH CHỦ KHẢO

SỐ

Được phép lái

Tại ngày

(2)

CHÁNH CHỦ KHẢO

SỐ

Được phép lái

Tại ngày

(2)

CHÁNH CHỦ KHẢO

SỐ

THU HỒI BẰNG LÁI XE

Từ _____ đến _____

Lý do: _____

U.B.R.B.L.X.V.B. _____

Từ _____ đến _____

Lý do _____

U.B.R.B.L.X.V.B. _____

Từ _____ đến _____

Lý do _____

U.B.R.B.L.X.V.B. _____

Từ _____ đến _____

Lý do _____

U.B.R.B.L.X.V.B. _____

CẢNH CÁO

Cảnh cáo lần thứ _____

Lý do _____

U.B.R.B.L.X.V.B. _____

Cảnh cáo lần thứ _____

Lý do _____

U.B.R.B.L.X.V.B. _____

Cảnh cáo lần thứ _____

Lý do _____

U.B.R.B.L.X.V.B. _____

Cảnh cáo lần thứ _____

Lý do _____

U.B.R.B.L.X.V.B. _____

VIỆT NAM CỘNG HÒA

BỘ QUỐC PHÒNG

QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA

BẰNG LÁI QUÂN-XA

CHÚ Ý : Bằng này chỉ có giá trị trong thời gian tại ngũ và chỉ cho phép lái quân-xa.

Trừ khi có ghi chú đặc-biệt ở phía sau, bằng này không cho phép lái những hạng xe sau đây :

1.—Xe chuyên-chở công-cộng.

2.—Xe trọng tải hơn $\left. \begin{array}{l} \text{a) cam không} \\ 3.000 \text{ kilô} \end{array} \right\} \text{b) máy kéo}$

3.—a) Xe có xích

b) Máy kéo quân-cụ

4.—Xe mô-tô hai bánh.

Nhà chức trách quân-sự có quyền rút lại bằng này bất cứ lúc nào.

Quân-nhận nào có bằng này, có thể làm đơn cho Trưởng Ty Công-Chánh tỉnh mình để đổi lấy bằng lái xe dân-sự đồng hạng nhưng phải trả số phí cho việc cấp bằng này.

Đơn-vị bổ nhậm phải ghi số của bằng lái quân-xa, ngày cấp phát, tên, họ, cấp bậc, số quân của người có bằng, số của những ghi chú gia-phẫu.

VIỆT-NAM CÔNG-HOÀ

TỈNH Thừa-thiên

QUẬN Nhất

XÃ Phước-Nhơn

Số hiệu

TRÍCH - LỤC

chứng thư hôn-thai

Tên họ người chồng LÊ - THI
Nghề nghiệp Quản nhân
Sanh ngày Hai mươi lăm, tháng một, năm một ngàn chín
trăm bốn mươi hai (25-01-1942)
Tại Phước Thành, Quận Tả-ngha, tỉnh Thừa-thiên
Cư sở tại số 5 A đường Yên-Kiến Phước-Thành Huế
Tạm trú tại
Tên họ cha chồng LÊ-LÂN (sống)
(Sống chết phải nói)
Tên họ mẹ chồng TRẦN-THỊ-TRÚA (chết)
(Sống chết phải nói)
Tên họ người vợ NGUYỄN-THỊ-NHƯNG
Nghề-nghiệp Buôn bán
Sanh ngày Năm, tháng tư, năm một ngàn chín
trăm bốn mươi tám (05-4-1948)
Tại Phước-Thành, Thành-Thố Huế
Cư sở tại số 53/3 đường Thừa-Y Thành-nghệ Huế
Tạm trú tại
Tên họ cha vợ Nguyễn-Trạch (sống)
(Sống chết phải nói)
Tên họ mẹ vợ Nguyễn-thị-Trú (sống)
(Sống chết phải nói)
—Ngày cưới Hai mươi hai, tháng tư, năm một ngàn chín
trăm sáu mươi tám (22-4-1968)
—Vợ chồng khai có hay không lập hôn khế
ngày / tháng / năm /

Trích y bản chính

Quận Nhất ngày 22 tháng 4 năm 196

Viên chức hộ tịch

TRẠI: 1/10/17
SỐ: 242 /CHT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-:-:-:-:-

Hầu số 001-3
bản hành theo số
số 263 ngày 21
11/1972

0101091800012

SHALO

GIẤY RA TRẠI

Theo Thông tư số 966-BCA/TT ngày 31 tháng 5 năm 1961 của Bộ Công an.
Thực hiện và quyết định theo số: 575/CHT ngày 21 tháng 11 năm 81
của: Đã nộp

Nay cấp giấy ra cho anh, chị có tên sau đây:

Họ tên khai sinh: Lê Thị

Họ tên thường gọi: Lê Thị

Họ tên bí danh:

Sinh ngày, tháng, năm: 25 - 01 - 1942

Nơi sinh: 1 - Huế

Nơi đăng ký nhận lệnh thường trú trước khi bị bắt: 552 - 15/10/17

Cơ sở: Đã nộp

Bị bắt ngày: 24 - 01 - 1972 tại: Trại

Theo quyết định, số văn số: ngày tháng năm của

Đã bị giam: lần, cộng thêm: năm tháng

Đã được giảm: lần, cộng thêm: năm tháng

Nay về cư trú tại: Đã nộp

THAM XÉT VÀ TRƯNG CHÁI TẠO

Đã nộp

Tiền và các đồ vật cấp: Đã nộp

Lưu tay nhận trả: Đã nộp

Của: Đã nộp

Danh bạ số: Đã nộp

Lập tại: Đã nộp

Họ tên, chữ ký

Người được cấp: Đã nộp

Đã nộp

Đã nộp

Ngày 21 tháng 09 năm 81

Chức vụ: Đã nộp



Đã nộp

TỈNH SÔNG BÈ
UBND HUYỆN ĐỒNG PHÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - tự do - hạnh phúc

Số : 01./QP-UB

Đồng Phú ngày 21 tháng 5 năm 1984

101-

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phục hồi quyền công dân

- Căn cứ chức năng và quyền hạn của Ủy ban nhân dân Huyện được quy định trong luật tổ chức Hội đồng nhân dân và UBND.

- Căn cứ thông tư số 19 và thông tư số 20 của Hội đồng chính phủ hướng dẫn công tác xét, xử chế cho những người bị quản chế đã cải tạo lạc động.

- Theo đề nghị của Hội đồng xét duyệt trả lại quyền công dân của Huyện.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 : Nay xử chế phục hồi quyền công dân cho

..... Li. Cui sinh năm 1946.

thường trú tại tổ ấp. Đôn xã Tân Lập

Huyện đồng phú tỉnh sông bè. Trước đây là

..... can tội Đa tị.

Sy. Quan. Diên. hân. liên. Đôn. Khôn. Sôn.

sau thời gian học tập cải tạo được cho về địa phương quản chế đã biết ăn năn hối cải, chấp hành sai tác lạc động tốt, chấp hành đầy đủ nội dung đối chính sách của Đảng và Nhà nước..

Điều 2 : Công an Huyện, Văn phòng Ủy ban nhân dân Huyện,

các ngành có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân

dân các xã Tân Lập và Uyên

thi hành quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi gửi :

TRƯỞNG ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ

- Thường vụ huyện ủy (B/c)

- Như điều 2

- Lưu.

Chủ tịch

Giang Thái Sơn

BỘ TƯ PHÁP

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

BỘ TƯ PHÁP

TRƯỞNG - PHÂN

Chứng-Chỉ Thử Vi Khai-Sinh

Địa điểm làm việc

Họ tên

Ngày

Căn

Năm một ngàn chín trăm

ngày

tháng

giờ

phút

Trước mặt chúng tôi là

Chính-án Tòa

ngồi tại văn phòng số

Lưu sự giúp việc

Cố ông, Bà

chức nghề nghiệp

thử kiểm tra số

ngày

đo

Khai sinh của

sinh ngày

tháng

năm

tại làng

quận

tỉnh

được vi là

nên yêu cầu Bản Tòa bằng vào lời khai của các nhân chứng có tên họ sau do y dẫn đến để lập chứng chỉ thay thế chứng thư hộ tịch nói trên

LIÊN ĐO CỎ ĐẾN TRIN ĐIỂN

1.)

tuổi, nghề nghiệp

trở tại

thử kiểm tra số

ngày

đo

cấp

2.)

tuổi, nghề nghiệp

trở tại

thử kiểm tra số

ngày

đo

cấp

3.)

tuổi, nghề nghiệp

trở tại

thử kiểm tra số

ngày

đo

cấp

Ba nhân chứng trên này sau khi đã tuyên thệ và nghe đọc điều 334-337 H.V. MINH-LUẬT phạt tội nguy chung về việc hội đồng cam đoan quá quyết biệt

chức tên

sinh ngày

tháng

năm

tại làng

quận

địa

con ông

và bà

bai ông, bà này đã chính thức lấy nhau

Những nhân chứng trên lại khai rằng: [Tên] nay đương-sự không thể nêu
sao lục giấy khai sinh mới trên được vì là _____

Bởi vậy Bản Tòa bằng theo lời khai của các nhân chứng và chiếu
điều 47-48 H. V. HỒ-LUẬT lập chứng chỉ thế vì khai sinh này của
tên _____

sinh ngày _____ tại _____
tháng _____ năm _____

tên _____ quận _____ tỉnh _____

con ông _____ và bà _____

để cấp cho đương sự theo như đơn xin.

Và các người chứng có ký tên với chúng tôi và Ông Lục-sự sau
khi nghe đọc lại.

LỤC-SỰ,

CHÁNH-ÁN

NHÂN CHỨNG

NGƯỜI ĐỒNG XIN

1. _____

2. _____

3. _____

Trước bạ tại _____

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Quận _____ tờ _____ số _____

Viên _____

VV-TRƯỞNG TRƯỚC-BẠ

Nhà là **KHÁNH, QUYNH** ở Đình bộ Linh-Huê

BỘ TƯ PHÁP

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

SỞ TƯ PHÁP

TÒA

Chứng-Chỉ Thử Vì Khai-Sinh

Ngày 25/2/66 Của

Năm một nghìn chín trăm tháng hai
 ngày hai mươi (20) giờ

Trước mặt chúng tôi là
 Chánh-án Tòa

ngồi tại Văn-Phòng có ông lục sự giúp việc.

Có ông, bà tuổi, nghề nghiệp

trả tại

thẻ kiểm tra số ngày 20-10-62 do

cấp, đến trình rằng hiện không thể xin trích lục

khai sinh của sinh ngày

tháng năm tại làng

quận tỉnh được vì

nên yêu cầu Bản Tòa bằng vào lời khai của các nhân chứng có tên kê
 sau do y dẫn đến đề lập chứng chỉ thay thế chứng thư họ tịch nơi trên.

LIÊN ĐÓ CÓ ĐẾN TRÌNH DIỆN

1o) tuổi, nghề nghiệp

trở tại

thẻ kiểm tra số ngày 2-10-1962

do cấp

2o) tuổi, nghề nghiệp

trở tại

thẻ kiểm tra số ngày 8-11-1962

do cấp

3o) tuổi, nghề nghiệp

trở tại

thẻ kiểm tra số ngày 20-10-1962

do cấp

Ba nhân chứng trên đây sau khi đã tuyên thệ và nghe đọc điều 334-337 H.V.

HÌNH-LUẬT phạt-tội nguy chứng về việc hội đồng cam đoan quả quyết biết

chắc tên

sinh ngày tháng tư (4)

năm một nghìn chín trăm bốn mươi tám (1948)

tại làng quận

tỉnh và bà

hai ông, bà này đã chính thức lấy nhau.

Những nhân chứng trên lại khai rằng hiện nay đương-sự không thể xin sao lục giấy khai sinh nói trên được vì lẽ...

Bởi vậy Bản Tòa bằng theo lời khai của các nhân chứng và chiếu điều 47-48 H.V. HỘ-LUẬT lập chứng chỉ thế vì khai sinh này cho tên NGUYỄN-THỊ-NHUNG sinh ngày mong năm (1) tháng th (4) năm một ngàn chín trăm

tại làng Phủ-Thành quận Thị-Nh-Phổ-Huế tỉnh Thị-Nh-Thiên con ông NGUYỄN-TRẠCH và bà NGUYỄN-THỊ-DU đề cấp cho đương sự theo như đơn xin.

Và các người chứng có ký tên với chúng tôi và ông Lục-sự sau khi nghe đọc lại.

Lục-sự

Chánh-án

Nhân chứng

Người đứng xin

1o) TÔN-THAT-PIEP

NGUYỄN-TRẠCH

2o) NGUYỄN-XUÂN-THANH

3o) TRƯƠNG-THA

Trước bạ tại Đne?

Ngày 21 tháng 2 năm 1966

Quê Đ ở Đ

Thân Sau Chuu

Chủ-sự

Nguyễn Khoa Huân



Trích lục y theo bộ đời
khai-sanh năm 1.969 tại
Xã Long-Hải.)

LONG-HẢI, ngày 24.4.1969
CHỦ-TỊCH UBND KIÊM HỘ-TỊCH



Nguyễn-Trung

CHỮO THẬT CHỮ KÝ
của Ông Chủ-Tịch Ủy-Ban
Hành-Chánh Xã kiêm HỘ-TỊCH
trên đây./-

LONG-HẢI, ngày 26.4.1969

TL. QUẢN-TRƯỞNG
Phó Quận-Trưởng

Hồ-thanh-Phát

Tên, họ ấu-nhi :	LÊ-HOUYEN-HAI
Phái :	Nam
Sinh :	Ngày Mười sáu tháng Tư (dương-lịch) năm Một ngàn chín trăm sáu mươi chín (16.4.1969) (Ngày, tháng, năm)
Tại :	Bảo-sanh-Viện Xã Long-Hải
Cha :	LÊ - THI (Tên Họ)
Tuổi :	Mười bảy tuổi
Nghề-nghiệp :	Quân-nhân
Cư-trú tại :	Xã Long-Hải
Mẹ :	NGUYEN-THỊ-THUNG (Tên Họ)
Tuổi :	Mười một tuổi
Nghề-nghiệp :	Nội-trợ
Cư-trú tại :	Xã Long-Hải
Vợ :	Chính
Người khai :	LÊ - THI (Tên Họ)
Tuổi :	Mười bảy tuổi
Nghề-nghiệp :	Quân-nhân
Cư-trú tại :	Xã Long-Hải
Ngày khai :	Ngày 10.4.1969
Người chứng thứ nhất :	LÊ-THỊ-XÀNG (Tên Họ)
Tuổi :	Mười hai tuổi
Nghề-nghiệp :	Làm vườn
Cư-trú tại :	Xã Long-Hải
Người chứng thứ nhì :	LÊ-THỊ-LỢI (Tên Họ)
Tuổi :	Mười bốn tuổi
Nghề-nghiệp :	Đuôn bằm
Cư-trú tại :	Xã Long-Hải

Làm tại **LONG-HẢI**, ngày **10** tháng **4** năm **1969**

Người khai,

XLTV.

Hộ lại,

Nhân chứng,

Lê-Thai (ký)

Phó Chủ-Tịch
Lê-kim-Tiến
(ký)

Lê-thị-Xàng (ký)
Lê-thị-Lợi (ký)

QUẢN NHÂN MIỄN PHÍ

Số hiệu : 175

KHAI SANH

Trích lệ y theo bộ khai-
sinh năm 1970 tại xã Long
Hải./-
LONG-HẢI, ngày 17.1.1970
ỦY-VIÊN H. - TH. CH

LONG-HẢI, ngày 17.1.1970
ỦY-BAN
HÀNH-CHÁNH
X. LONG-HẢI

CHỖ TRƯỞNG
của Ủy-tan hành-chánh xã
Long-Hải trên đây./-
LONG-HẢI, ngày 17.1.1970
QUẢN TRƯỞNG
TRƯỜNG H. CH. CH. CH. CH.

LÊ-VĂN-TH. CH	
Tên, họ ấu-nhi :	Nam
Phân-giới-giống-tổ-chức-Tổn (đang-lịch) Nam-Việt	
Sanh :	Đã-chiến-trên-bay-cuối (01.0.1970)
(Ngày, tháng, năm)	Đã-chiến-trên-bay-cuối (01.0.1970)
Tại :	L. - TH
Cha :	
(Tên, Họ)	Hải-mười-tám-tuổi
Tuổi :	Đã-chiến
Nghề-nghiệp :	Xã-Long-Hải
Cư-trú tại :	NGUYỄN-TH. CH. CH. CH.
Mẹ :	
(Tên Họ)	Hải-mười-ba-tuổi
Tuổi :	Vệ-trí
Nghề-nghiệp :	Xã-Long-Hải
Cư-trú tại :	chính
Vợ :	L. - TH
Người khai :	
(Tên Họ)	Hải-mười-tám-tuổi
Tuổi :	Đã-chiến
Nghề-nghiệp :	Xã-Long-Hải
Cư-trú tại :	Ngày 10.1.1970
Ngày khai :	NGUYỄN-VIẾT-V. CH. CH. CH.
Người chứng thứ nhất :	
(Tên Họ)	Hải-mười-ba-tuổi
Tuổi :	Công-chiến
Nghề-nghiệp :	Xã-Long-Hải
Cư-trú tại :	NGUYỄN-V. CH. CH. CH.
Người chứng thứ nhì :	
(Tên Họ)	Hải-mười-tám-tuổi
Tuổi :	Công-chiến
Nghề-nghiệp :	Xã-Long-Hải
Cư-trú tại :	

[Signature]

Làm tại _____, ngày _____ tháng _____ năm 1970

Người khai, *L. - TH (ký)* Hộ lại, *Đ. - V. CH (ký)* Nhân chứng, *NGUYỄN-VIẾT-V. CH (ký)*
NGUYỄN-V. CH (ký)

Số hiệu: 80

KHAI SANH

Tên, họ ấu-nhi : LÊ-THỊ-THỰC
Phái : Nữ
Phối : Ngay sinh của Tổng TĐ (Đ) và một ngày chín tháng
Sanh : ngày mười hai (02, 04, 1972)
(Ngày, tháng, năm)
Tại : Hội Sinh viên Xã Long-Hải
Cha : LÊ - THI
(Tên, họ)
Tuổi : 30 tuổi
Nghề-nghiep : Giáo-Viên
Cư-trú tại : Xã Long-Hải
Mẹ : NGUYỄN-THỊ-THƯỜNG
(Tên, họ)
Tuổi : 24 tuổi
Nghề-nghiep : Nội-Trợ
Cư-trú tại : Xã Long-Hải
Vợ : Chưa
Người khai : LÊ - THI
(Tên, họ)
Tuổi : 30 tuổi
Nghề-nghiep : Giáo-Viên
Cư-trú tại : Xã Long-Hải
Ngày khai : Ngày 10, 04, 1972
Người chứng thứ nhất : LÊ-KIM-TIẾN
(Tên, họ)
Tuổi : 45 tuổi
Nghề-nghiep : Giáo-Viên
Cư-trú tại : Xã Long-Hải
Người chứng thứ nhì : NGUYỄN-VĂN-THANH
(Tên, họ)
Tuổi : 38 tuổi
Nghề-nghiep : Giáo-Viên
Cư-trú tại : Xã Long-Hải

Trích lục y theo sổ khai
sinh năm 1972 tại Xã Long-Hải
Long-Hải, ngày 21.04.1972
T. Văn - Hải

[Signature]

LÊ-THỊ-THỰC

LÊ-THỊ-THỰC
Long-Hải, ngày 21.04.1972



Làm tại Long-Hải, ngày 10 tháng 04 năm 1972
Người khai, Hộ-lại, Nhân-chứng,

LÊ-THI
(Ký)

NGUYỄN-VĂN-THANH
(Ký)

LÊ-KIM-TIẾN (Ký)
NGUYỄN-VĂN-THANH (Ký)

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH PHƯỚC-TUY

QUẬN LONG-LỄ

XÃ PHÁT-TRIỂN PHƯỚC-LỄ

Số hiệu : 590

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 06 tháng 0 năm 19 74

Tên họ đứa trẻ	Lê-Thị-Thị
Con trai hay con gái	Nữ
Ngày sanh	Ngày 29 Tháng 5 năm 1974
Nơi sanh	Hồ-Sơn, Tỉnh/Quận Vạn-Kiếp
Tên họ người cha	Lê-Thị
Tên họ người mẹ	Nguyễn-Thị-Hùng
Vợ chánh hay không có hôn thú	Chánh
Tên họ người đứng khai	Lê-Thị

TRÍCH LỤC Y THEO BỘ

Phước-Lễ, ngày 06 tháng 0 năm 1974

XÃ-TRƯỞNG

Kiểm Ủy-Viên Hộ-Tịch



Nguyễn-Hữu-Phúc

MIỄN THỊ THỰC

TCVT Số 9475/BNV/H.C.29

Ngày 22-10-71 của Bộ Nội Vụ

PHƯỜNG HUYỆN SĨ

Số hiệu : 6821/ AA

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Lập ngày 23 tháng 12 năm 1975

Tên họ đứa trẻ	LÊ-NGUYỄN-HUY
Con trai hay gái	Nam
Ngày sanh	Mười sáu tháng mười hai năm một ngàn chín trăm bảy mươi lăm.
Nơi sanh	284, Cống Quỳnh, Quận 2.
Tên họ người Cha	Lê-Thị
Tên họ người Mẹ	Nguyễn-thị-Nhung
Vợ chánh hay không có hôn thú	Chánh
Tên họ người đứng khai	Nguyễn-văn-Thị

PHƯỜNG HUYỆN SĨ, ngày 23 tháng 12 năm 1975
Viên Trưởng Hộ Tịch.



[Handwritten signature]

PHAN THU

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu 1/72 PB

Xã, Thị trấn Tân Lập

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Thị xã, Quận Đống Đa

Thành phố, Tỉnh Hà Nội

GIẤY KHAI SINH

Số 018

Quyển số 01

Họ và tên	<u>Lê Nguyễn Hoàng</u>		Nam, nữ <u>nam</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>ngày hai mươi hai tháng mười hai năm một nghìn tám trăm lẻ chín (22-12-1938)</u>		
Nơi sinh	<u>Xã Tân Lập</u>		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	<u>Lê Chí</u> <u>1948</u>	<u>Nguyễn Thị Nhung</u> <u>1948</u>	
Dân tộc	<u>kinh</u>	<u>kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Làm ruộng</u>	<u>Ban công nhân</u>	
Nơi ĐKK thường trú	<u>thị trấn 19/36 xã Tân Lập</u>		
Họ, tên, tuổi nơi ĐKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Nguyễn Thị Nhung, 1948</u> <u>ngụ thị trấn 19/36 xã Tân Lập</u>		

Đăng ký ngày 19 tháng 12 năm 1988

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

TM/ Huyện B. An xã

phó chủ tịch huyện



Chậm xuân Long

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, thị trấn Tân Lập

Thị xã, quận Đông Phú

Thành phố, Tỉnh Sông Bé

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu HT 2/P3

Bản Sao

GIẤY KHAI SANH

Số: 62/85

Quyển số: 01

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và tên	<u>Lê nguyên Thủy-Điện</u>		Nhà, nữ	<u>W</u>
Sinh ngày tháng năm	<u>Hai mươi một tháng tám năm một ngàn chín trăm tám mươi năm (21-8-1985)</u>			
Nơi sinh	<u>Tân Lập, Đông Phú, Sông Bé.</u>			
Khai về Cha, mẹ	CHA	MẸ		
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Lê - Thi</u> <u>1942</u>	<u>Nguyễn thị - Nhung</u> <u>1948</u>		
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>		
Quốc tịch	<u>Việt - Nam</u>	<u>Việt - Nam</u>		
Nghề nghiệp	<u>Làm rẫy</u>	<u>Buôn bán</u>		
Nơi ĐKNK thường trú	<u>19/36 Tân Lập</u>	<u>19/36 Tân Lập</u>		
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Lê - Thi</u> <u>1942</u> <u>19/36 Tân Lập, Đông Phú, Sông Bé</u> <u>Số giấy chứng minh 280/625060</u>			

Nhận được Sao y Bản chính
ngày 23 tháng 9 năm 1985
TH/UBNDXX Tân Lập
T. CH. Trưởng CA

Đăng ký ngày 23 tháng 9 năm 1985
T.M.: U.B.N.D. Xã Tân Lập ký tên đóng dấu
(Ghi rõ họ, tên, chức vụ)



Tập văn Chuẩn

C O N T R O L

____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Data
____ Membership; Letter 9/9/88
VN